



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**  
CII BRIDGES AND ROADS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

oOo

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

## **Quý 4 năm 2015**



**Ngày 31 tháng 12 năm 2015**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 4 năm 2015

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>406,480,512,369</b>	<b>130,331,059,173</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>6,719,447,716</b>	<b>7,460,931,974</b>
1. Tiền	111		1,049,447,716	7,460,931,974
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,670,000,000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15,000,000,000</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2b.1	15,000,000,000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>339,054,243,993</b>	<b>100,711,681,418</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	48,598,417,399	54,084,767,728
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4b	3,472,973,452	3,525,161,697
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4c	142,663,082,744	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4a	148,997,534,097	46,996,363,768
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	6	(4,677,763,699)	(3,894,611,775)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>43,105,457,119</b>	<b>20,376,150,484</b>
1. Hàng tồn kho	141		43,733,064,691	21,003,758,056
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(627,607,572)	(627,607,572)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,601,363,541</b>	<b>1,782,295,297</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a1	55,847,726	93,941,251
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	13a2	858,147,202	985,433
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17b	1,687,368,613	1,687,368,613
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2,948,658,313,177</b>	<b>1,239,720,393,579</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>231,425,250,000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	4d	231,425,250,000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,686,942,300</b>	<b>709,591,259</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1,666,950,315	684,599,270
- Nguyên giá	222		2,008,990,526	854,759,656
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(342,040,211)	(170,160,386)

2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	19,991,985	24,991,989
- Nguyên giá	228		50,000,000	50,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(30,008,015)	(25,008,011)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>396,496,411</b>	<b>129,021,273</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	8b	396,496,411	129,021,273
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2,715,149,624,466</b>	<b>1,238,738,302,478</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	2c.1	2,229,178,478,934	1,027,192,076,068
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	2c.2	295,368,391,376	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	2a.1	2,902,900,000	2,902,900,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	2a.1a	(2,902,900,000)	(2,902,900,000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	2b.2	190,602,754,156	211,546,226,410
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>143,478,569</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b1	-	143,478,569
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3,355,138,825,546</b>	<b>1,370,051,452,752</b>
				-
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,264,344,909,925</b>	<b>1,075,124,134,626</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>688,992,220,750</b>	<b>120,685,766,327</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	17,126,781,929	28,688,495,191
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19c	8,547,890,790	8,932,118,668
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17a	10,758,364	2,134,815
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18a	11,261,063,808	15,662,221,078
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20a	246,201,184	250,747,717
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19a	120,727,761,922	506,779,105
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15a	528,766,500,000	58,280,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25e.2	2,305,262,753	8,363,269,753
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>575,352,689,175</b>	<b>954,438,368,299</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	19b	78,252,220,500	779,531,468,549
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15b	497,100,468,675	174,906,899,750
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-

10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2,090,793,915,621</b>	<b>294,927,318,126</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2,090,793,915,621</b>	<b>294,927,318,126</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25a1	1,928,547,650,000	225,169,550,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,928,547,650,000	225,169,550,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	25a2	3,657,748,096	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	2a.2	-	(5,362,083,904)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	25e.1	17,067,003,378	8,180,864,378
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25a	141,521,514,147	66,938,987,652
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6,916,834,000	3,033,448,266
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		134,604,680,147	63,905,539,386
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
2. Nguồn kinh phí	431		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3,355,138,825,546</b>	<b>1,370,051,452,752</b>

Người lập biểu



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thông

Lập ngày 16 tháng 1 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thành

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Quý 4 năm 2015**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		25,774,413,815	103,153,489,287	141,690,555,222	266,247,647,536
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1,053,456,407	136,365,805	1,519,949,323
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02 )	10		25,774,413,815	102,100,032,880	141,554,189,417	264,727,698,213
4. Giá vốn hàng bán	11		19,694,212,118	99,600,932,225	133,117,589,289	234,295,616,934
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 - 11 )	20		6,080,201,697	2,499,100,655	8,436,600,128	30,432,081,279
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		125,160,121,191	118,641,674,454	292,111,209,542	120,404,612,315
7. Chi phí tài chính	22		10,081,976,531	55,795,973,801	117,105,645,576	65,906,751,868
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10,081,976,531	33,425,433,186	96,759,237,398	43,535,494,104
8. Chi phí bán hàng	25		40,677,090	1,376,245,762	525,647,702	5,226,444,979
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,215,270,679	320,293,591	5,270,906,091	6,027,029,059
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22) - (25+26)]	30		119,902,398,588	63,648,261,955	177,645,610,301	73,676,467,688
11. Thu nhập khác	31		71,849,133	298,361,329,150	99,474,553	299,399,295,268
12. Chi phí khác	32		1,200,000	297,786,239,535	22,297,427	297,892,776,570
13. Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40		70,649,133	575,089,615	77,177,126	1,506,518,698
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50 = 30 + 40 )	50		119,973,047,721	64,223,351,570	177,722,787,427	75,182,986,386
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	(1,063,501,852)	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		119,973,047,721	65,286,853,422	177,722,787,427	75,182,986,386
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1,491	3,890	2,209	4,480
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thông

Lập ngày 16 tháng 1 năm 2016



Nguyễn Văn Thành

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 4 năm 2015

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		157,339,201,326	282,991,470,340
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(158,497,753,276)	(186,679,830,501)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(2,424,214,043)	(11,390,210,379)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(126,204,582,705)	(47,278,206,380)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		-	(4,082,423,673)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		2,201,515,725	97,110,700,396
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(3,792,938,560)	(71,099,891,536)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(131,378,771,533)</b>	<b>59,571,608,267</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(7,869,135,363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18,123,403,068	304,207,388,638
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(605,467,000,000)	(291,786,899,750)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		239,316,584,665	73,200,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2,326,009,095,896)	(595,032,698,634)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		110,691,720,000	249,652,230,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		288,126,718,560	103,672,132,168
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2,275,217,669,603)</b>	<b>(163,956,982,941)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1,712,547,052,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(5,353,088,000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		1,474,571,818,925	656,552,937,192
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(681,891,750,000)	(546,113,798,003)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(99,373,281,200)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2,405,853,839,725</b>	<b>105,086,051,189</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(742,601,411)</b>	<b>700,676,515</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>7,460,931,974</b>	<b>6,759,914,370</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VII.34	1,117,153	341,089
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>6,719,447,716</b>	<b>7,460,931,974</b>

Người lập biểu



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thông

Lập ngày 16 tháng 1 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thành

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng tóm lược)

Quý 4 năm 2015

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		406,480,512,369	130,331,059,173
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6,719,447,716	7,460,931,974
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15,000,000,000	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		339,054,243,993	100,711,681,418
4. Hàng tồn kho	140		43,105,457,119	20,376,150,484
5. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,601,363,541	1,782,295,297
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		2,948,658,313,177	1,239,720,393,579
1. Các khoản phải thu dài hạn	210		231,425,250,000	-
2. Tài sản cố định	220		1,686,942,300	709,591,259
3. Bất động sản đầu tư	240		396,496,411	129,021,273
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2,715,149,624,466	1,238,738,302,478
5. Tài sản dài hạn khác	260		-	143,478,569
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		3,355,138,825,546	1,370,051,452,752

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		1,264,344,909,925	1,075,124,134,626
1. Nợ ngắn hạn	310		688,992,220,750	120,685,766,327
2. Nợ dài hạn	330		575,352,689,175	954,438,368,299
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		2,090,793,915,621	294,927,318,126
1. Vốn chủ sở hữu	410		2,090,793,915,621	294,927,318,126
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	440		3,355,138,825,546	1,370,051,452,752

Lập ngày 16 tháng 1 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Dương Thị Nhung

Nguyễn Văn Thông



Nguyễn Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII  
Mã số thuế: 0300 482241

Mẫu số B 02b - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng tóm lược)  
Quý 4 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm		ĐVT: đồng
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
			4	5	6	7	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		25,774,413,815	103,153,489,287	141,690,555,222	266,247,647,536	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1,053,456,407	136,365,805	1,519,949,323	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		25,774,413,815	102,100,032,880	141,554,189,417	264,727,698,213	
4. Giá vốn hàng bán	11		19,694,212,118	99,600,932,225	133,117,589,289	234,295,616,934	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,080,201,697	2,499,100,655	8,436,600,128	30,432,081,279	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		125,160,121,191	118,641,674,454	292,111,209,542	120,404,612,315	
7. Chi phí tài chính	22		10,081,976,531	55,795,973,801	117,105,645,576	65,906,751,868	
8. Chi phí bán hàng	25		40,677,090	1,376,245,762	525,647,702	5,226,444,979	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,215,270,679	320,293,591	5,270,906,091	6,027,029,059	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		119,902,398,588	63,648,261,955	177,645,610,301	73,676,467,688	
11. Thu nhập khác	31		71,849,133	298,361,329,150	99,474,553	299,399,295,268	
12. Chi phí khác	32		1,200,000	297,786,239,535	22,297,427	297,892,776,570	
13. Lợi nhuận khác	40		70,649,133	575,089,615	77,177,126	1,506,518,698	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		119,973,047,721	64,223,351,570	177,722,787,427	75,182,986,386	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	(1,063,501,852)	-	-	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		119,973,047,721	65,286,853,422	177,722,787,427	75,182,986,386	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1,491	3,890	2,209	4,480	

Lập ngày 16 tháng 1 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Dương Thị Nhung*

Dương Thị Nhung

*Nguyễn Văn Thông*

Nguyễn Văn Thông





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2015

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

- Công ty Cổ phần Đầu tư cầu đường CII (trước đây là Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia), (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần sửa đổi sau đó.

- Công ty đang thực hiện đầu tư vào (6) sáu công ty con là Cty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn, Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia; Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội; Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận; Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình, Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và 02 công ty liên kết là Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu, Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng VRG là Công ty đầu tư gián tiếp qua Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Thành - quốc tịch Việt Nam, Chức vụ: Tổng Giám đốc

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư -TM -DV -XD

3. Ngành nghề kinh doanh.

- Lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

- Sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp;

- Xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng;

- Khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước...

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Sửa chữa thiết bị điện; lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

- Trong kỳ, Công ty đã nhận chuyển nhượng các Công ty quản lý các dự án cầu đường như Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận; Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận; Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội và Công ty TNHH BOT Rạch Miếu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong kỳ, Công ty đã phát hành 50.337.810 cổ phần, tương đương 503.378.100.000 đồng và chuyển đổi 1.200.000 trái phiếu chuyển đổi do CII sở hữu thành 120.000.000 cổ phiếu tương đương 1.200 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ từ 225.169.550.000 đồng lên 1.928.547.650.000 đồng.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty con;

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị đầu tư	Ghi chú
1/ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	89.98%	89.98%	825,221,062,980	
2/ Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia	99.81%	99.81%	78,000,000,000	
3/ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51.00%	51.00%	258,876,000,000	
4/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99.99%	99.99%	300,659,554,167	
5/ Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	100.00%	100.00%	430,425,833,333	
6/ Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	99.99%	99.99%	335,996,028,454	
<b>Cộng</b>	xxx	xxx	<b>2,229,178,478,934</b>	

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết;

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị đầu tư	Ghi chú
1/ Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	49.75%	49.75%	63,568,623,284	
2/ Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	10.00%	10.00%	231,799,768,092	
<b>Cộng</b>	xxx	xxx	<b>295,368,391,376</b>	

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính (có so sánh được hay không, nếu không so sánh được phải nêu rõ lý do như vì chuyển đổi hình thức sở hữu, chia tách, sáp nhập, nêu độ dài về kỳ so sánh...)

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015).
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán. Trường hợp có sự thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán so với năm trước, giải trình rõ lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi.

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán: áp dụng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng (trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động liên tục)

- Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam); Ảnh hưởng (nếu có) do việc chuyển đổi Báo cáo tài chính từ đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.
- Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.
- Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### 5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

#### a) Chứng khoán kinh doanh;

+ Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

+ Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

+ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c) Các khoản cho vay;

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

**- Đầu tư vào công ty con**

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

**- Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

**- Đầu tư vào công ty liên kết;**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho; Giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền ;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên;
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- + Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- + Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- + Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.
- + Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 do Bộ Tài chính ban hành.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước ngắn hạn, dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 03 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch, mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

+ Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

+ Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.
- + Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

+ Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

+ Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

+ Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng;

- Doanh thu cung cấp dịch vụ;

- Doanh thu hoạt động tài chính;

- Doanh thu hợp đồng xây dựng.

- Thu nhập khác

+ Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

+ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

+ Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm đầu tư, lãi tiền gửi... nhận được.

+ Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	1,220,183	211,835,241
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1,048,227,533	7,249,096,733
- Tiền đang chuyển	5,670,000,000	
<b>Cộng</b>	<b>6,719,447,716</b>	<b>7,460,931,974</b>

2. Các khoản đầu tư TC

a) Chứng khoán kinh doanh	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá hợp lý	Giá gốc	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu;	-	2,902,900,000	(2,902,900,000)		2,902,900,000	(2,902,900,000)
+ Cty CP đầu tư AQUA 290,290 CP		2,902,900,000	(2,902,900,000)	-	2,902,900,000	(2,902,900,000)
- Các khoản đầu tư khác;	-	-	-	4,182,100,000	5,362,083,904	-
- Cổ phiếu quỹ mua lại (418.210 CP)	-	-	-	4,182,100,000	5,362,083,904	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2,902,900,000</b>	<b>(2,902,900,000)</b>	<b>4,182,100,000</b>	<b>8,264,983,904</b>	<b>(2,902,900,000)</b>

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>b1) Ngắn hạn</b>	-	15,000,000,000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn		15,000,000,000		-
- Trái phiếu				
- Các khoản đầu tư khác				
<b>b2) Dài hạn</b>	190,602,754,156	190,602,754,156	211,546,226,410	211,546,226,410
- Tiền gửi có kỳ hạn				
- Trái phiếu				
- Các khoản đầu tư khác				
+ Cty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật CII Tp.HCM (xây dựng Cầu Rạch Chiếc)	190,602,754,156	190,602,754,156	211,546,226,410	211,546,226,410
<b>Cộng</b>	<b>190,602,754,156</b>	<b>205,602,754,156</b>	<b>211,546,226,410</b>	<b>211,546,226,410</b>

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ
<b>- Đầu tư vào công ty con</b>		2,229,178,478,934		1,027,192,076,068
+ Cty CP Cơ khí Điện Lữ Gia	99.81%	78,000,000,000	99.81%	78,000,000,000
+ Cty CP XD Cầu Sài Gòn	89.98%	825,221,062,980	89.98%	949,192,076,068
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51.00%	258,876,000,000		
+ Cty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99.99%	300,659,554,167		
+ Cty CP Cầu đường Hiền An Bình	99.99%	335,996,028,454		
+ Cty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	100.00%	430,425,833,333		
<b>- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;</b>		295,368,391,376		-
+ Dự án Cầu Rạch Miễu - Quốc lộ 60 đoạn qua Tỉnh Tiền Giang - Tỉnh Bến Tre	49.75%	63,568,623,284		
+ Cty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	10.00%	231,799,768,092		
<b>- Đầu tư vào đơn vị khác;</b>		-		
<b>Cộng</b>		<b>2,524,546,870,310</b>		<b>1,027,192,076,068</b>

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ;

a/ Đầu tư vào công ty con

- + Cty CP XD Cầu Sài Gòn với hoạt động chính Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn;
- + Cty CP Cơ khí Điện Lữ Gia với hoạt động chính Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện;
- + Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với Dự án đầu tư xây dựng mở rộng XLHN;
- + Cty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận với dự án Đầu tư xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A;
- + Cty CP Cầu đường Hiền An Bình với dự án Khai thác tuyến đường liên tỉnh 741;
- + Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận với dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1.

b/ Công ty liên doanh, liên kết;

+ Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu với dự án Cầu Rạch Miếu - Quốc lộ 60 đoạn qua Tỉnh Tiền Giang - Tỉnh Bến Tre;

+ Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận với Dự án Đầu tư xây dựng công trình Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận Giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng BOT số 04/HĐ.BOT-BGTVT ngày 06/2/2015 giữa Bộ GTVT (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) với Liên danh Công ty CPĐT XD Tuấn Lộc, Công ty TNHH SX TM - DV Yên Khánh, Công ty CPĐT Xây dựng BMT, Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi, Công ty CP Hoàng An và Công ty CPĐT Cầu đường CII (Nhà đầu tư). Theo đó các bên liên danh thỏa thuận thành lập Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận để thực hiện dự án.

- Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ.

a/ Đầu tư vào công ty con

+ Ngày 02/02/2015 Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R) nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII) về dự án Đầu tư xây dựng mở rộng xa lộ Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với giá chuyển nhượng là 233.376.000.000 đồng tương đương 23.337.600 cổ phần;

+ Ngày 02/02/2015 Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R) nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII) về dự án Đầu tư xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ninh Thuận với giá chuyển nhượng là 300.659.554.167 đồng tương đương 21.998.000 cổ phần;

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R) hợp tác với 02 cá nhân là bà Nguyễn Thị Thanh Hiền và Ông Nguyễn Việt Cường để góp vốn đầu tư thành lập Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình. Mục đích thành lập công ty này là để đầu tư vào 01 công ty dự án khác là Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng VRG về dự án Khai thác tuyến đường liên tỉnh 741 từ Km00+ 000 đến KM 49 + 670 theo Hợp đồng BOT số 2654/2009/HĐDA-BOT ngày 09/09/2009;

+ Ngày 24/03/2015 Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R) nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII) về dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 (các đoạn) của Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận với giá chuyển nhượng là 430.425.833.333 đồng.

+ Ngày 27/07/2015 Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R) bổ sung vốn góp 25,5 tỷ đồng vào Công ty CP Đầu tư và xây dựng Xa Lộ Hà Nội do tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ.

b/ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;

+ Ngày 02/01/2015 Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R) nhận chuyển nhượng 49,75% phần vốn trong công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII) với mục đích nắm giữ lâu dài. Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miếu thành lập và hoạt động tại Tỉnh Bến Tre, hoạt động chính của công ty này là đầu tư xây dựng và khai thác quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng Cầu Rạch Miếu - Quốc lộ 60 thuộc tỉnh Tiền Giang - Bến Tre theo hình thức hợp đồng BOT, hiện tại công ty này đang thực hiện khai thác quyền thu phí hoàn vốn dự án đầu tư;

+ Ngày 31/12/2014, Công ty ký kết thỏa thuận liên danh thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng BOT với Công ty mới thành lập là Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận để quản lý dự án này. Ngày 25/4/2015 Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R) nộp vốn chủ sở hữu (10%) cho Cty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận theo công văn số 548/TL-ĐT ngày 19/04/15 với số tiền là 154.283.460.000 đồng.

3. Phải thu của khách hàng	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>47,593,418,485</b>	<b>47,075,374,871</b>
- Công Ty 7/5 - Quận Khu 7	1,217,062,314	1,217,062,314
- Thiết kế & XD tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi-Vành Đai Ngoài	2,715,574,000	1,359,240,000
- Cty CP Him Lam	13,894,266,899	16,181,362,569
- Cty CPĐTPT Cường Thuận IDICO	972,911,570	3,883,134,084
- Cty TNHH DVTM-XD Đông Mê Kông	276,118,118	-
- Cty CP PT Đường Cao Tốc Biên Hoà - Vũng Tàu	1,321,079,368	1,321,079,368
- Cty XD số 9 - Cty An Xuân Thịnh	4,028,570,767	-
- Cty CP XD CTGT Thái Sơn	1,018,100,000	797,385,000
- Trịnh Văn Hà	4,526,151,579	6,300,000,023
- Tổng Cty Xây dựng số 1 - TNHH MTV	464,809,000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	17,158,774,870	16,016,111,513
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>1,004,998,914</b>	<b>7,009,392,857</b>
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	191,592,923
- Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	225,643,033	225,643,033
- Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII	25,470,000	850,996,290
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Ninh Thuận	424,752,103	424,752,103
- Công ty CP Cơ Khí điện Lữ Gia	4,143,778	5,316,408,508
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	324,990,000	-
<b>Cộng</b>	<b>48,598,417,399</b>	<b>54,084,767,728</b>

4. Phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>148,997,534,097</b>	-	<b>46,996,363,768</b>	-
- Phải thu về cổ phần hoá;				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;	96,112,522,212	-	7,474,404,488	-
+ Cty CP XD Cầu Sài Gòn	-		84,861,431	
+ Cty Đầu tư HTKT Tp.HCM (CII)	-		7,389,543,057	
+ Công ty CP Đầu tư & Xây dựng XLHN	38,804,864,182			
+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	57,307,658,030			
- Phải thu người lao động;	-		-	
- Ký cược, ký quỹ;	9,000,000		9,000,000	
- Cho mượn (tạm ứng);	42,274,000		19,924,000	
- Các khoản chi hộ;	33,415,413		140,962,288	-
+ Nộp hộ BH cho Cty TNHH MTV ĐT KD Địa Ốc Lữ Gia	-		1,046,388	
+ Nộp hộ BH cho Cty CP Cơ Khí Điện Lữ Gia	-		31,111,568	
+ Nộp hộ chi phí cấp Sổ hồng căn hộ	33,415,413		108,804,332	
- Phải thu khác.	52,800,322,472		39,352,072,992	
+ Lệ phí Tòa án	12,217,526		12,217,526	
+ Đặt cọc thuê VP	60,000,000		60,000,000	
+ BQL Dự án	52,523,488		52,523,488	
+ Cty Đầu tư HTKT Tp.HCM (CII)	37,274,300,930			
+ Cty TNHH MTV Đầu tư KD Địa Ốc Lữ Gia	-		18,128,403,068	
+ Tiền lãi vay phải thu Cty ĐT HTKT Tp.HCM (CII)	-		20,815,288,557	
+ Phải thu nhận bàn giao từ Cty TNHH MTV CK điện LG	283,640,353		283,640,353	
+ Cty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	15,117,640,175			
<b>b) Trả trước cho người bán</b>	<b>3,472,973,452</b>		<b>3,525,161,697</b>	
- Cty TNHH Tư Vấn Phát Triển Xây Dựng Minh Đạt	1,450,000,000		-	
- Cty TNHH thiết kế KT XD QLDA Sáng Tạo Mới	528,185,000		528,185,000	
- Cty CP Kim Sơn Hải	820,000,000		820,000,000	
- Khác	674,788,452		2,176,976,697	
<b>c/ Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>142,663,082,744</b>	-	-	-
- Cty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật CII Tp.HCM (hỗ trợ vốn)	142,663,082,744			
<b>d) Phải thu về cho vay dài hạn</b>	<b>231,425,250,000</b>	-	-	-
- Cty TNHH XD & TM Tuấn Lộc (Hỗ trợ đầu tư)	231,425,250,000			
<b>Cộng</b>	<b>383,895,757,549</b>	-	<b>50,521,525,465</b>	-

6. Nợ xấu	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;						
Cty CP Kim Sơn Hải - phải thu từ ứng trước tiền hàng	820,000,000		820,000,000	820,000,000		820,000,000
Cty CTGT 621 - CT Trung Lương Mỹ Thuận	369,361,503	-	369,361,503	460,983,579		460,983,579
Khách hàng khác - phải thu từ thi công công trình	1,164,784,432		1,164,784,432	1,164,784,432		1,164,784,432
Cty Sáng Tạo Mới - chi phí cung cấp và lắp đặt cửa gỗ	528,185,000		528,185,000	528,185,000	528,185,000	-
Cty Phan Việt - gói thầu Hệ thống xử lý nước thải	352,270,000	105,681,000	246,589,000	352,270,000	352,270,000	-
Khách hàng khác - phải thu từ bán Trụ cần đèn...	887,668,397		887,668,397	887,668,397		887,668,397
Trần Thị Ngọc Hân - chuyển nhượng bán căn hộ	100,000,000		100,000,000			-
Cty TNHH MTV Cơ Khí Điện Lữ Gia - phải thu nhận bàn giao	283,640,353		283,640,353	283,640,353		283,640,353
Ban quản lý dự án - phải thu tiền đồng hồ nước	52,523,488		52,523,488	52,523,488		52,523,488



Huỳnh Đăng Hồ- tiền đặt cọc thuê VP	60,000,000		60,000,000	60,000,000		60,000,000
Khách hàng khác - Lệ phí tòa án	12,217,526		12,217,526	12,217,526		12,217,526
DNTN TM Hoàng Phi - tiền thuê mặt bằng ADV	95,000,000		95,000,000	95,000,000		95,000,000
+ Lê Thị Kim Cúc - tạm ứng chi hoạt động VP	19,924,000		19,924,000	19,924,000		19,924,000
Khách hàng khác -phải thu từ ứng trước tiền hàng	37,870,000		37,870,000	37,870,000		37,870,000
<b>Cộng</b>	<b>4,783,444,699</b>	<b>105,681,000</b>	<b>4,677,763,699</b>	<b>4,775,066,775</b>	<b>880,455,000</b>	<b>3,894,611,775</b>

7. Hàng tồn kho:	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường;				
- Nguyên liệu, vật liệu;	32,650,364	(32,650,364)	32,650,364	(32,650,364)
- Công cụ, dụng cụ;	10,506,000	(1,456,000)	1,456,000	(1,456,000)
- Chi phí SX kinh doanh dở dang;	43,096,407,119	-	20,376,150,484	
- Thành phẩm;	528,730,757	(528,730,757)	528,730,757	(528,730,757)
- Hàng hóa;	64,770,451	(64,770,451)	64,770,451	(64,770,451)
- Hàng gửi bán;				
- Hàng hóa kho bảo thuế.				
<b>Cộng</b>	<b>43,733,064,691</b>	<b>(627,607,572)</b>	<b>21,003,758,056</b>	<b>(627,607,572)</b>

8. Tài sản dở dang dài hạn	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí SXKD dở dang dài hạn				
b) Xây dựng cơ bản dở dang	396,496,411		129,021,273	
- Mua sắm;				
- XD CB;				
+ Công trình: Cao ốc CC-TM-DV LUGIACO	396,496,411		129,021,273	
- Sửa chữa.				
<b>Cộng</b>	<b>396,496,411</b>		<b>129,021,273</b>	

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	854,759,656					854,759,656
- Mua trong năm	-		1,154,230,870			1,154,230,870
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	854,759,656	-	1,154,230,870			2,008,990,526
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	170,160,386					170,160,386
- Khấu hao trong năm	85,804,656		86,075,169			171,879,825
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	255,965,042	-	86,075,169			342,040,211
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày đầu năm	684,599,270					684,599,270
- Tại ngày cuối năm	598,794,614		1,068,155,701			1,666,950,315

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm				50,000,000		50,000,000
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm				50,000,000		50,000,000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm						
- Khấu hao trong năm				25,008,011		25,008,011
- Tăng khác				5,000,004		5,000,004
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm				30,008,015		30,008,015
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày đầu năm				24,991,989		24,991,989
- Tại ngày cuối năm				19,991,985		19,991,985

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng;

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác;

13. Chi phí trả trước	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>913,994,928</b>	<b>94,926,684</b>
- Chi phí trả trước về thuê		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	55,847,726	93,941,251
- Chi phí đi vay;		
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	858,147,202	985,433
<b>b) Dài hạn</b>	-	<b>143,478,569</b>
- Các khoản khác	-	143,478,569
<b>Cộng</b>	<b>913,994,928</b>	<b>238,405,253</b>

15. Vay và nợ thuê tài chính	Cuối năm	Trong năm		Đầu năm	Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>528,766,500,000</b>	<b>528,766,500,000</b>	<b>1,109,908,250,000</b>	<b>639,421,750,000</b>	<b>58,280,000,000</b>	<b>58,280,000,000</b>
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	462,850,500,000	462,850,500,000	899,992,250,000	437,141,750,000	-	-
NH TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Tây Sài Gòn	-	-	140,000,000,000	140,000,000,000	-	-
Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia	-	-	4,000,000,000	4,000,000,000	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	65,916,000,000	65,916,000,000	65,916,000,000	58,280,000,000	58,280,000,000	58,280,000,000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>497,100,468,675</b>	<b>497,100,468,675</b>	<b>364,503,568,925</b>	<b>42,310,000,000</b>	<b>174,906,899,750</b>	<b>174,906,899,750</b>
NH Eximbank - Sở GD1 TP.HCM	160,336,899,750	160,336,899,750	-	72,850,000,000	233,186,899,750	233,186,899,750
NH TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Tây Sài Gòn	402,679,568,925	402,679,568,925	410,919,568,925	8,240,000,000		
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	-	-	19,500,000,000	19,500,000,000		
<b>Cộng</b>	<b>1,025,866,968,675</b>	<b>1,025,866,968,675</b>	<b>1,474,411,818,925</b>	<b>681,731,750,000</b>	<b>233,186,899,750</b>	<b>233,186,899,750</b>

Trong đó thanh toán theo kỳ hạn

Trong vòng 01 năm 65,916,000,000

Trong năm thứ hai 78,266,000,000

Từ năm thứ 3 đến năm thứ năm 190,858,899,750

Sau 5 năm 227,975,568,925

563,016,468,675

Số phải trả sau 12 tháng 497,100,468,675

16. Phải trả người bán	Cuối năm	Đầu năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>3,222,881,273</b>	<b>3,222,881,273</b>	<b>8,338,493,104</b>	<b>8,338,493,104</b>
- Cty TNHH Kiến Trúc và Môi Trường	2,580,195,998	2,580,195,998	2,580,195,998	2,580,195,998
- Cty TNHH TM và DV Phát Triển EPSI	-	-	2,349,659,374	2,349,659,374
- Công Ty CP Xây lắp & Vật Tư Xây Dựng (CBM)	100,000,000	100,000,000	2,208,733,695	2,208,733,695
- Phải trả cho các đối tượng khác	542,685,275	542,685,275	1,199,904,037	1,199,904,037
<b>b) Các khoản phải trả người</b>	-	-	-	-
...				
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh</b>	-	-	-	-
...	-	-	-	-
- Các đối tượng khác				
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>13,903,900,656</b>	<b>13,903,900,656</b>	<b>20,350,002,087</b>	<b>20,350,002,087</b>
- Công ty CP Cơ Khí Điện Lữ Gia	13,903,900,656	13,903,900,656	20,350,002,087	20,350,002,087
...				
<b>cộng</b>	<b>17,126,781,929</b>	<b>17,126,781,929</b>	<b>28,688,495,191</b>	<b>28,688,495,191</b>

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
<b>a) Phải nộp</b>	<b>2,134,815</b>	<b>2,808,712,411</b>	<b>2,800,088,862</b>	<b>10,758,364</b>
- Thuế GTGT	-	1,704,908,949	1,704,908,949	-
- Thuế TNCN	2,134,815	1,073,481,253	1,064,857,704	10,758,364
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất		4,024,782	4,024,782	-
- Thuế môn bài		4,000,000	4,000,000	-
- Phí, lệ phí, khoản phải nộp khác		22,297,427	22,297,427	-
<b>b) Phải thu</b>	<b>1,687,368,613</b>	<b>4,024,782</b>	<b>4,024,782</b>	<b>1,687,368,613</b>
- Thuế TNDN nộp thừa	1,110,797,025	-	-	1,110,797,025
- Tiền thuê đất nộp thừa tại 345-347ADV theo thông báo số 452/TB-CCT-TBA ngày 28/05/14	576,571,588	4,024,782	4,024,782	576,571,588
...				

18. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>11,261,063,808</b>	<b>15,662,221,078</b>
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép;		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh;		
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn HH, thành phẩm BĐS đã bán;		
- Chi phí thi công công trình	3,048,532,072	10,926,576,313
- Phí tư vấn pháp luật	-	33,000,000
- Các khoản trích trước khác;	65,000,000	103,680,909
- Lãi vay ngân hàng	8,147,531,736	4,598,963,856
- Lãi trái phiếu chuyển đổi	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
- Lãi vay		
- Các khoản khác		
<b>Cộng</b>	<b>11,261,063,808</b>	<b>15,662,221,078</b>

19. Phải trả khác	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>120,727,761,922</b>	<b>506,779,105</b>
- Bảo hiểm xã hội;	-	7,230,438
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	120,727,761,922	499,548,667
+ Công ty Cấp thoát nước TP	451,242,467	451,242,467
+ Cty Rạch Miễu ứng trước lợi nhuận	20,459,140,258	
+ Tiền tạm giữ của CSG chờ làm thủ tục giảm vốn điều lệ	99,806,720,000	
+ Phải trả khác	10,659,197	48,306,200
<b>b) Dài hạn</b>	<b>78,252,220,500</b>	<b>779,531,468,549</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	78,252,220,500	78,252,220,500
+ Công ty CP XD Hạ Tầng CII (CII E&C) mua cổ phần	78,000,000,000	78,000,000,000
+ Công ty CP TIKI - Ký quỹ thuê MB	252,220,500	252,220,500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	701,279,248,049
+ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM	-	701,279,248,049
<b>c) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>8,547,890,790</b>	<b>8,932,118,668</b>
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	469,737,991	
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	8,078,152,799	
...		

20. Doanh thu chưa thực hiện	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>246,201,184</b>	<b>250,747,717</b>
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (thuế VP)	246,201,184	250,747,717
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống;		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.		
<b>b) Dài hạn</b>		
....		
<b>c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng</b>		
...		

## 21. Trái phiếu phát hành

### 21.2. Trái phiếu chuyển đổi:

#### a. Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ:

- Thời điểm phát hành, kỳ hạn gốc và kỳ hạn còn lại từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Mệnh giá, lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi.

#### b. Trái phiếu chuyển đổi phát hành thêm trong kỳ:

- Thời điểm phát hành, kỳ hạn gốc từng loại trái phiếu chuyển đổi;

Căn cứ theo hợp đồng Mua trái phiếu LGC\_BOND2015 số 001/2015/CIIBR-CII giữa Công ty CP đầu tư Cầu đường CII và Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII). Ngày 21/07/2015 Công ty CP đầu tư Cầu đường CII phát hành trái phiếu chuyển đổi, mục đích phát hành là hoán đổi các khoản nợ với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII).

- Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi;

+ Loại trái phiếu:	trái phiếu chuyển đổi;
+ Mã trái phiếu:	LGC_BOND2015
+ Số lượng trái phiếu phát hành:	1.200.000 trái phiếu;
+ Đồng tiền phát hành:	Đồng Việt Nam
+ Giá phát hành:	100% mệnh giá

- Mệnh giá, lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi;

+ Mệnh giá một trái phiếu:	1.000.000 đồng/trái phiếu
+ Tổng mệnh giá phát hành:	1.200 tỷ đồng
+ Lãi trái phiếu:	Lãi trái phiếu cố định 11% năm
+ Kỳ hạn trái phiếu:	07 năm từ ngày 21/07/2015 đến 21/07/2022

- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi;

- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi;

- + Lãi phải trả trái phiếu phát sinh trong kỳ: -

- Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi.

- + Giá trị phần nợ gốc 1.200 tỷ đồng

#### c. Trái phiếu chuyển đổi được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ:

- Số lượng từng loại trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu trong kỳ; Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ để chuyển đổi trái phiếu;

Ngày 28/8/2015 Công ty CP Đầu tư Cầu Đường CII đã thực hiện chuyển đổi 1.200.000 trái phiếu LGC\_BOND2015 của CII thành 120.000.000 cổ phiếu LGC

+ Mã trái phiếu:	LGC_BOND2015
+ Số lượng trái phiếu chuyển đổi	1.200.000 trái phiếu chuyển đổi thành 120.000.000 cổ phần

- Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi tăng vốn chủ sở hữu.

Thông qua kết quả chuyển đổi 1.200.000 trái phiếu LGC\_BOND2015 chuyển đổi do CII sở hữu thành 120.000.000 cổ phiếu LGC, theo đó vốn chủ sở hữu ghi tăng thêm 1.200 tỷ đồng

#### g) Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ (theo từng loại trái phiếu)

Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII) nắm giữ 1.200.000 trái phiếu chuyển đổi tương đương 1.200 tỷ đồng. Mục đích là hoán đổi các khoản nợ với Công ty CP đầu tư Cầu đường CII.

**25. Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu								Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	....	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>151,507,190,000</b>	<b>53,265,105,182</b>					<b>23,465,703,084</b>	<b>228,237,998,266</b>	
- Tăng vốn trong năm trước								-	
- Lãi trong năm trước							75,182,986,386	75,182,986,386	
- Tăng khác								-	
- Chi phát hành cổ phiếu ra công chúng		(35,000,000)						(35,000,000)	
- Giảm vốn trong năm trước								-	
- Phát hành cổ phiếu thường tăng vốn điều lệ	73,662,360,000	(53,230,105,182)					(20,432,254,818)	-	
- Trích lập các quỹ năm trước							(11,277,447,000)	(11,277,447,000)	
- Lỗ trong năm trước								-	
- Giảm khác								-	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>225,169,550,000</b>	-	-	-	-	-	<b>66,938,987,652</b>	<b>292,108,537,652</b>	
- Tăng vốn trong năm nay								-	
- Lãi trong năm nay								-	
- Mua Cổ phiếu Phát hành thêm	146,378,100,000						177,722,787,427	177,722,787,427	
- Bán Cổ phiếu quỹ		3,807,748,096						146,378,100,000	
- Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	357,000,000,000							3,807,748,096	
- Trái phiếu chuyển đổi	1,200,000,000,000							357,000,000,000	
- Trích lập các quỹ năm nay							(3,391,087,000)	1,200,000,000,000	
- Lỗ trong năm nay								(3,391,087,000)	
- Chi cổ tức								-	
- Chi thù lao cho HĐQT & Ban kiểm soát năm 2014							(99,373,259,000)	(99,373,259,000)	
- Chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu		(150,000,000)					(375,914,932)	(375,914,932)	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1,928,547,650,000</b>	<b>3,657,748,096</b>	-	-	-	-	<b>141,521,514,147</b>	<b>2,073,726,912,243</b>	

25. Vốn chủ sở hữu	Cuối năm	Đầu năm
<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>1,928,547,650,000</b>	<b>225,169,550,000</b>
- Vốn góp của Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII) 81.51%	1,572,000,080,000	198,758,190,000
- Vốn góp của đối tượng khác	356,547,570,000	26,411,360,000
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	225,169,550,000	151,507,190,000
+ Vốn góp tăng trong năm	1,703,378,100,000	73,662,360,000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	1,928,547,650,000	225,169,550,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	99,373,259,000	
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192,854,765	22,516,955
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	418,210
+ Cổ phiếu phổ thông		418,210
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192,854,765	22,098,745
+ Cổ phiếu phổ thông	192,854,765	22,098,745
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :.....		
<b>đ) Cổ tức</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:.....		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:.....		
	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp:</b>	<b>19,372,266,131</b>	<b>16,544,134,131</b>
- Quỹ đầu tư phát triển;	17,067,003,378	8,180,864,378
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp;		
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	2,305,262,753	8,363,269,753

## VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
<b>Doanh thu</b>	<b>141,690,555,222</b>	<b>266,247,647,536</b>
- Doanh thu bán hàng SXKD;	1,548,000,271	61,391,157,209
- Doanh thu dịch vụ tư vấn về thu phí giao thông	2,804,900,000	
- Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê VP, mặt bằng;	1,873,089,654	19,640,479,156
- Doanh thu bán căn hộ	1,401,369,410	16,626,266,428
- Doanh thu hợp đồng xây dựng;	128,154,509,144	165,248,691,743
- Doanh thu hợp đồng duy tu CT	5,908,686,743	3,341,053,000
	-	-
<b>Trong đó Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>7,770,269,831</b>	<b>30,666,299,224</b>
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	590,892,000	762,985,833
- Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII	-	518,329,182
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	7,175,610,760	6,386,839,067
- Công ty CP Cơ Khí điện Lữ Gia	3,767,071	19,136,762,384
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	-	3,861,382,758
...		



2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại;	-	-
- Giảm giá hàng bán;	136,365,805	1,519,949,323
- Hàng bán bị trả lại.	-	-
<b>Cộng</b>	<b>136,365,805</b>	<b>1,519,949,323</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014</b>
<b>Giá vốn của hàng hóa đã bán;</b>	<b>133,117,589,289</b>	<b>234,295,616,934</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán;	1,548,000,271	
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;		58,470,634,235
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	124,330,496,736	149,394,558,461
- Giá vốn của Công trình duy tu	5,712,811,643	3,032,672,853
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;	178,810,331	9,393,687,581
- Giá vốn bán căn hộ Lữ Gia;	1,347,470,308	14,004,063,804
<b>Trong đó Giá vốn đối với các bên liên quan</b>	<b>7,439,500,393</b>	<b>30,258,847,303</b>
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	263,889,633	364,936,124
- Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII (E&C)		508,926,970
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	7,175,610,760	6,386,839,067
- Công ty CP Cơ Khí điện Lữ Gia		19,136,762,384
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		3,861,382,758
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18,350,079,800	477,958,050
- Lãi phát sinh từ dự án góp vốn đầu tư (đầu tư Cầu Rạch Chiếc)	32,032,393,439	7,389,543,057
- Lợi nhuận được chia (Cầu SG, XLHN, Cty CP Ninh Thuận);	241,727,619,150	101,784,067,760
- Lãi chênh lệch tỷ giá, chiết khấu	1,117,153	84,283,708
- Lãi từ góp vốn hợp tác kinh doanh		10,668,418,651
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		341,089
<b>Cộng</b>	<b>292,111,209,542</b>	<b>120,404,612,315</b>
<b>Trong đó Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan</b>		
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	35,026,683,206	8,819,787,502
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	29,566,689,976	9,238,174,206
- Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	154,853,271,144	101,784,067,760
- Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng - VRG	115,766,666	
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	57,307,658,030	
<b>Cộng</b>	<b>276,870,069,022</b>	<b>119,842,029,468</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014</b>
- Chi phí lãi vay;	42,090,657,948	15,153,197,420
- Lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng	54,668,579,450	28,382,296,684
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính (bán CP)	20,267,709,078	19,467,640,615
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	-	717,149
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư;	-	2,902,900,000
- Chi phí tài chính khác;	78,699,100	
<b>Cộng</b>	<b>117,105,645,576</b>	<b>65,906,751,868</b>
<b>Trong đó Chi phí tài chính đối với các bên liên quan</b>		
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	74,672,624,629	31,483,617,564
- Công ty CP Cơ Khí điện Lữ Gia	63,020,000	
- Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	20,264,293,088	19,467,640,615
- Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII (E&C)		2,557,500,001
<b>Cộng</b>	<b>94,999,937,717</b>	<b>53,508,758,180</b>

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
<b>6. Thu nhập khác</b>		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		298,536,249,844
- Tiền đặt cọc hợp đồng mua căn hộ bị hủy		250,851,000
- Tiền thuê đất 345-347 ADV nộp thừa	-	576,571,588
- Thu phí chậm thanh toán tiền bán căn hộ	99,474,553	35,622,836
<b>Cộng</b>	<b>99,474,553</b>	<b>299,399,295,268</b>
	-	-
<b>7. Chi phí khác</b>		
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		297,782,039,535
- Lãi phạt do chậm bàn giao căn hộ		79,461,035
- Các khoản bị phạt;	22,297,427	30,200,000
- Các khoản khác.		1,076,000
<b>Cộng</b>	<b>22,297,427</b>	<b>297,892,776,570</b>
	-	-
<b>8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<b>5,384,528,167</b>	<b>6,027,029,059</b>
- Thanh toán cho người lao động	1,431,745,991	2,424,913,270
- Chi phí vật dụng, công cụ văn phòng	303,082,831	266,449,300
- Chi phí thuê văn phòng	420,000,000	105,000,000
- Chi phí tiếp khách	173,264,001	364,817,916
- Chi phí dự phòng nợ khó đòi	932,823,955	666,658,047
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	91,075,173	87,530,294
- Các khoản chi phí QLDN khác.	2,032,536,216	2,111,660,232
<i>Trong đó Chi phí QLDN đối với các bên liên quan</i>		
- Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa Ốc Lữ Gia	491,057,533	105,000,000
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<b>525,647,702</b>	<b>5,226,444,979</b>
- Thanh toán cho người lao động	-	760,801,074
- Thanh toán tiền hoa hồng	-	583,730,060
- Thanh toán chi phí vận chuyển	69,000,000	3,124,304,758
- Phí bảo lãnh công trình	378,282,330	22,282,705
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	78,365,372	735,326,382
<i>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí QLDN</i>	<b>(113,622,076)</b>	-
- Hoàn nhập dự phòng khác;	(91,622,076)	-
- Các khoản ghi giảm khác.	(22,000,000)	-
.....		
<b>Cộng</b>	<b>5,796,553,793</b>	<b>11,253,474,038</b>
	-	-
<b>9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;		24,433,575,473
- Chi phí nhân công;		5,080,546,633
- Chi phí khấu hao tài sản cố định;		3,934,102,314
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;		7,656,996,892
- Chi phí khác bằng tiền.		18,488,727
- Hàng hóa	1,602,283,200	
- Giá vốn hàng bán	136,230,388,891	
- Chi phí bán hàng	525,647,702	
- Chi phí QLDN	5,464,578,122	
<b>Cộng</b>	<b>143,822,897,915</b>	<b>41,123,710,039</b>
	-	-
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		-
	-	-

**VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

<b>3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:</b>	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường;	609,199,568,925	412,600,119,410
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường;		
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi;		
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả;		
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán;		
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác.	923,492,250,000	219,552,817,782
<b>Cộng</b>	<b>1,532,691,818,925</b>	<b>632,152,937,192</b>

<b>4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:</b>	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;	221,090,000,000	246,695,387,276
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường;		
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi;		
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả;		
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán;		
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	460,641,750,000	333,298,410,727
<b>Cộng</b>	<b>681,731,750,000</b>	<b>579,993,798,003</b>

**IX. Những thông tin khác**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: .....

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:.....

3. Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên).

<b>a - Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:</b>	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
--	---------------------------------	---------------------------------

**Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)**

- Hỗ trợ vốn tái cấu trúc Công ty, nhận tiền vay	919,492,250,000	90,000,000,000
- Chuyển trả vốn tái cấu trúc, trả tiền vay	456,641,750,000	90,000,000,000
- Chi phí lãi vay hỗ trợ vốn	29,442,942,649	
- Thanh toán lãi vay hỗ trợ vốn	14,248,975,000	
- Nhận vốn góp (CP 35.700.000 CP + 1.200.000 trái phiếu chuyển đổi)	1,557,000,000,000	
- Phải trả nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp và dự án cầu đường	1,049,920,010,784	1,068,311,946,683
- Thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong công ty dự án cầu đường	1,555,747,224,435	
- Chi phí lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp các công ty, dự án	69,433,198,354	28,382,296,684
- Thanh toán lãi chậm phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp trong công ty, dự án	68,960,388,596	
- Cho vay ngắn hạn	262,000,000,000	17,600,000,000
- Thu lại tiền cho vay	119,336,917,256	32,200,000,000
- Lãi cho vay	2,994,289,767	1,430,244,445
- Thu lãi cho vay	2,209,642,812	1,771,550,001
- Lãi phát sinh từ góp vốn hợp tác đầu tư		9,238,174,206
- Chuyển tiền góp vốn hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiểu		233,186,899,750
- Lợi nhuận phát sinh từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án Cầu Rạch Chiểu	32,032,393,439	7,389,543,057
- Ghi nhận hoàn vốn góp đầu tư (V/v: XD Cầu Rạch Chiểu)	20,943,472,254	
- Thu tiền hoàn vốn đầu tư dự án Cầu Rạch Chiểu	21,640,673,340	
- Thu tiền lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư dự án Cầu Rạch Chiểu	7,389,543,057	
- Lợi nhuận được chia từ hợp tác KD từ Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	57,307,658,030	
- Doanh thu tiền thuê kho ADV	590,892,000	762,984,743
- Nhận tiền thuê kho	324,990,000	
- Thanh toán cổ tức	52,770,990,800	
- Nhận vốn hợp tác đầu tư dự án góp vốn chia SP cao ốc 70 Lu giaco		24,552,817,782
- Chuyển trả vốn hợp tác đầu tư dự án góp vốn chia SP cao ốc 70 Lu giaco		138,298,410,727
- Chuyển nhượng phần góp vốn Cty TNHH MTV ĐTKD Địa Ốc		150,000,000,000

**Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)**

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Doanh thu thi công công trình và cung cấp hàng hóa	-	518,329,182

- Thu tiền thi công công trình, hàng hóa	886,546,290	
- Nhận tiền vay dài hạn		129,400,000,000
- Chi trả tiền vay dài hạn		129,400,000,000
- Chi phí lại vay hỗ trợ vốn		2,557,500,001
<b>Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu</b>	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	23,544,530,258	
<b>Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</b>	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Chi phí thuê văn phòng, tiền điện	491,057,533	105,000,000
- Thanh toán tiền thuê văn phòng, tiền điện	771,163,286	
- Thu nhập từ thanh lý TSCĐ và BĐS đầu tư		236,605,211,858
- Thu tiền thanh lý TSCĐ & bất động sản đầu tư	18,123,403,068	236,800,000,000
- Cho vay ngắn hạn	400,000,000	
- Thu lại tiền hỗ trợ vốn, tiền vay	405,000,000	
- Góp vốn trong năm		150,000,000,000
<b>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</b>	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Doanh thu thi công công trình	7,175,610,760	6,386,839,067
- Thu tiền thi công công trình	8,554,502,750	12,920,502,108
- Lợi nhuận được chia từ Cty CP Đầu tư & XD XLHN	29,566,689,976	
- Góp vốn bổ sung tăng vốn điều lệ	25,500,000,000	
<b>Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn</b>	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Lợi nhuận được chia từ Cty Cầu SG	154,853,271,144	
- Thu tiền lợi nhuận được chia từ hợp tác KD từ Cty Cầu SG	254,744,852,575	
- Công ty con mua lại cổ phiếu quỹ (10.370.672 CP)	103,706,720,000	
- Tạm treo 3388 (Mua lại cổ phiếu quỹ)	99,806,720,000	
<b>Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia</b>	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Chi phí thi công công trình & hàng hóa	126,524,543,760	49,428,354,565
- Phải trả tiền thi công công trình & hàng hóa	139,028,800,600	54,291,064,248
- Thu tiền bán hàng hóa	5,316,408,508	82,663,418,755
- Thanh toán thi công công trình, hàng hóa	145,474,902,031	33,941,062,161
- Nhận tiền hỗ trợ vốn, tiền vay	4,160,000,000	
- Chi trả tiền hỗ trợ vốn, tiền vay	4,160,000,000	
- Lãi vay phải trả	63,020,000	
- Thanh toán lãi vay	63,020,000	
- Mua hàng tồn kho (thanh lý)		19,296,795,121
- Mua tài sản hữu hình		54,168,928,290
- Mua tài sản vô hình (Quyền sử dụng đất)		7,167,531,506
- Mua hàng hoá dịch vụ		7,678,219,704
- Nhận vốn góp		78,000,000,000
- Doanh thu bán hàng hóa	3,767,071	
- Phải thu tiền bán hàng hóa	4,143,778	
<b>Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng - VRG</b>	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Cho vay ngắn hạn	6,000,000,000	
- Thu lại tiền hỗ trợ vốn, tiền cho vay	6,000,000,000	
- Lãi tiền vay phải thu	115,766,666	
- Thu tiền lãi vay	115,766,666	
<b>Công ty CP Đầu tư &amp; Phát triển Xây dựng Ninh Thuận</b>	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
- Doanh thu thi công công trình	-	3,861,382,758
- Thu tiền thi công công trình	-	3,822,768,931

- Chi phí mua hàng hóa dịch vụ 51,052,000

**b - Tạt thời điểm cuối năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)</b>		
- Phải trả gốc hỗ trợ vốn, tiền vay	462,850,500,000	
- Phải trả nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp và dự án cầu đường	-	701,279,248,049
- Phải trả lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp các cty, dự án	-	10,063,558,989
- Phải trả lãi hỗ trợ vốn	15,193,967,649	
- Phải thu tiền thuê kho	324,990,000	
- Phải thu lãi phát sinh từ góp vốn hợp tác kinh doanh	-	9,238,174,206
- Tiền góp vốn hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	190,602,754,156	211,546,226,410
- Phải thu gốc và lãi hợp đồng hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	51,683,621,624	29,030,216,397
- Phải thu lãi cho vay	784,646,955	
- Phải thu cho vay ngắn hạn	142,663,082,744	
- Doanh thu chưa thực hiện	246,201,184	246,202,274
<b>Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&amp;C)</b>		
- Nhận ký quỹ tiền mua cổ phần	78,000,000,000	78,000,000,000
- Phải thu bán hàng và giá trị thi công công trình	25,470,000	850,996,290
<b>Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</b>		
- Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	20,459,140,258	
<b>Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</b>		
- Cho vay	-	5,000,000
- Ứng trước tiền thuê VP	115,500,000	
- Phải thu từ thanh lý TSCĐ và bất động sản đầu tư	-	18,123,403,068
- Phải thu tiền chi nộp hộ bảo hiểm xã hội		1,046,388
- Phải trả tiền thuê VP		115,500,000
<b>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</b>		
- Ứng trước giá trị thi công công trình	469,737,991	
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ hợp tác KD từ Cty CP Đầu tư & XD XLHN	38,804,864,182	
- Phải thu giá trị thi công công trình		191,592,923
<b>Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn</b>		
- Phải thu giá trị thi công công trình	225,643,033	225,643,033
- Tạm treo 3388 (Mua lại cổ phiếu quỹ)	99,806,720,000	
<b>Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia</b>		
- Phải thu từ bán hàng hóa	4,143,778	-
- Phải trả tiền thi công công trình & hàng hóa	13,903,900,656	20,350,002,087
- Phải trả tiền mua tài sản, hàng tồn kho		5,316,408,508
- Phải trả tiền chi nộp hộ Bảo hiểm xã hội		31,111,568
<b>Công ty CP Đầu tư &amp; Phát triển Xây dựng Ninh Thuận</b>		
- Phải thu giá trị thi công công trình	424,752,103	424,752,103

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Chỉ tiêu	SX Kinh doanh bán hàng	Công trình thi công, duy tu	Dịch vụ cho thuê mặt bằng+ thu phí	Bán căn hộ Lữ Gia	Cộng
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,548,000,271	134,063,195,887	4,677,989,654	1,265,003,605	141,554,189,417
<b>Giá vốn</b>					

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	1,548,000,271	130,043,308,379	178,810,331	1,347,470,308	133,117,589,289
Lợi nhuận gộp	-	4,019,887,508	4,499,179,323	(82,466,703)	8,436,600,128
Doanh thu hoạt động tài chính					292,111,209,542
Chi phí tài chính					117,105,645,576
Chi phí bán hàng					525,647,702
Chi phí quản lý doanh nghiệp					5,270,906,091
Thu nhập khác					99,474,553
Chi phí khác					22,297,427
Chi phí thuế TNDN hiện hành					-
Tổng lợi nhuận sau thuế					177,722,787,427

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6. Thông tin về hoạt động liên tục: .....

7. Những thông tin khác: .....

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Văn Thông

